

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15-11-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đức Hòa, ông Nguyễn Duy Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Việt Thắng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Đình N; Sinh năm 1991; Nguyên quán: Xóm x xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố x, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị H; Sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm x xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Thanh C; Sinh năm: 1950

Địa chỉ: Xóm x xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bà Dương Thị N1; Sinh năm: 1955

Địa chỉ: Xóm x xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Hoàng Đình N yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị H vì vợ chồng đã ly thân 07 năm, không còn tình cảm, quan tâm nhau.

- Về con chung: Anh N yêu cầu được nuôi con chung là cháu Hoàng Bảo N2, sinh ngày 08/01/2013 hiện đang do mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu anh N được quyền nuôi con thì anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị H được quyền nuôi con thì anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng mà anh N sẽ tự thỏa thuận, thực hiện với chị H. Anh N cũng trình bày thêm là chị H không hợp tác, cản trở việc anh thăm gặp, cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh N trình bày trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai có trong hồ sơ, ý kiến của bị đơn Trần Thị H như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Chị H cũng cho rằng anh N không thương chị và chị cũng không còn tình cảm với anh N nhưng chị không đồng ý ly hôn vì chị theo đạo Thiên chúa giáo.

- Về con chung: Nếu buộc phải ly hôn thì chị H không đồng ý cho anh N nuôi con, đề nghị Tòa án giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai ngày 17/8/2018, chị H trình bày không cần chồng đóng góp, cấp dưỡng nuôi con. Tại bản trình bày về việc nuôi con ngày 11/9/2018, chị H yêu cầu cấp dưỡng một lần số tiền 30 triệu đồng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 06/11/2018, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con sẽ tự trao đổi với anh N. Nếu không trao đổi được sẽ yêu cầu sau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H cũng thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Thanh C và bà Dương Thị N1 trình bày:

Vì mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 6/2012 Hồng về sống cùng với ông bà tại xã T, C, Hà Tĩnh. Tháng 1/2013 thì Hồng sinh con gái là Hoàng Bảo N2. Cháu Ngọc hiện đang theo học tại trường Mầm Non Thanh Lộc, cháu phát triển bình thường. Các chi phí nuôi cháu Ngọc là do Hồng bỏ ra, ông Trần Thanh C và bà Dương Thị N2 có công hỗ trợ Hồng chăm sóc, nuôi nấng cháu Ngọc nhưng không yêu cầu H và N trả tiền công chăm sóc.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành làm việc với bố mẹ của nguyên đơn, Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân xã Y. Các thông tin thu thập được đều phản ánh: Anh Hoàng Đình N và chị Trần Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 20/12/2011. Tuy nhiên, vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Chị H và con gái Hoàng Bảo N2 sống cùng bố mẹ đẻ tại xóm 1 xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Cháu Hoàng Bảo N2 được chăm sóc chu đáo, phát triển bình thường, hiện đang học tại trường Mầm Non xã T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng, đủ, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Đình N, cho anh Hoàng Đình N ly hôn chị Trần Thị H; Căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cho chị Trần Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên; Không xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung; Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc anh Hoàng Đình N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Bị đơn Trần Thị H có hộ khẩu thường trú tại xóm 1 xã T huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Trần Thị H, ông Trần Thanh C và bà Dương Thị N (đều có đơn xin xét xử vắng mặt). Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H:

Anh N và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T. Đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên vợ chồng chỉ sống chung khoảng 07 tháng và đã ly thân khoảng 07 năm. Anh N làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị H là đúng với quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng anh N và chị H tuy được tự do tìm hiểu nhưng vội vàng tiến tới hôn nhân khi tuổi đời còn trẻ, chưa tìm hiểu kỹ về nhau nên sớm có những bất đồng trong tính cách và quan điểm sống, khó có thể dung hòa. Vợ chồng chung sống khoảng 07 tháng nhưng đã ly thân khoảng 07 năm. Anh N và chị H đều vi phạm các nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình (không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Sau đó, bị đơn đến Tòa án xin nhận các bản sao tài liệu do bên nguyên đơn cung cấp và làm đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Hôn nhân của anh N và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Hoàng Đình N ly hôn chị Trần Thị H.

[3] Về nuôi con chung:

Hội đồng xét xử nhận định: Anh N và chị H đều có nghề nghiệp, thu nhập đủ để nuôi con. Tuy nhiên anh N không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con mà

phải nhờ bố mẹ để chăm sóc vì anh đang sinh sống và làm việc tại Đắk Nông. Trong khi đó cháu Hoàng Bảo Ngọc đang được mẹ chăm sóc tốt, đang được học hành và có cuộc sống ổn định. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Ngọc cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Hội đồng xét xử cũng nhắc nhở anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Ngọc được sống chung với chị H. Đồng thời chị H và các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngọc. Nếu anh N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N. Trong trường hợp có yêu cầu có căn cứ của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Từ trước tới nay, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con, chi trả các chi phí với sự hỗ trợ chăm sóc của ông Châu, bà Nhu. Ông Châu, bà Nhu không yêu cầu anh N, chị H chi trả tiền công chăm sóc nên Hội đồng xét xử miễn xét phần nghĩa vụ của anh Hoàng Đình N và chị Trần Thị H đối với ông Trần Thanh C và bà Dương Thị N.

Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi cháu Ngọc được sinh ra đến nay thì anh N chưa cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con mà hai bên tự thực hiện nên Hội đồng xét xử miễn xét. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng nhắc nhở hai bên nên có sự trao đổi, bàn bạc với nhau để người không trực tiếp nuôi con thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con kịp thời và đầy đủ. Nếu sau này có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị H đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Hoàng Đình N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Hoàng Đình N ly hôn chị Trần Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Bảo N2, sinh ngày 08/01/2013 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N2 thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của

cháu Ngọc được sống chung với chị H. Chị H và các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngọc. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh N và chị H tự thực hiện với nhau. Nếu sau này có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Anh Hoàng Đình N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004364 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh N phải nộp tiếp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Hoàng Đình N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị H, ông Trần Thanh C, bà Dương Thị N2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T; TT K
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC
Thẩm phán

Ngô Thị Thanh